

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG ANA  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST  
Ngày 28 tháng 8 năm 2020  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Tuyên

*Các hội thẩm nhân dân:* ông Nguyễn Quang Hoàng và ông Vũ Kim Quy

*Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2020/TLST- DS ngày 05 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Kim L, sinh năm 1967, có mặt.

Địa chỉ: Buôn K, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Phan Thị L1, sinh năm 1968, có mặt.

Địa chỉ: đường L, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện ngày 18/5/2020 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Huỳnh Kim L trình bày:***

Do có quan hệ quen biết nên ông cho bà Phan Thị L1 vay tiền 02 lần như sau:

Ngày 21/01/2016 vay 15.000.000 đồng, khi vay có viết giấy vay tiền, không ghi thời hạn trả. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói trả lãi theo lãi nhà nước.

Ngày 01/5/2016 vay 3.000.000 đồng, khi vay có viết giấy vay tiền, không ghi thời hạn trả. Khi vay thỏa thuận bằng lời nói trả lãi theo lãi nhà nước.

Quá trình vay nợ, ông đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà L1 không chịu trả, khoảng tháng 01/2018 ông tiếp tục đòi nợ thì bà L1 có viết vào giấy vay tiền hẹn đến ngày 09/01/2020 sẽ trả nợ và hứa trả đủ lãi theo lãi nhà nước. Tuy nhiên, đến nay bà L1 vẫn chưa trả nợ cho ông được khoản nào.

Nay ông L yêu cầu bà Phan Thị L1 phải trả cho số tiền gốc của 02 khoản vay là 18.000.000 đồng và tiền lãi của cả 02 khoản vay tính từ tháng 01/2018 đến ngày

24/6/2020 là 30 tháng (tính tròn) với mức lãi suất 1%/tháng bằng 5.400.000 đồng. Tổng cộng yêu cầu bà L1 trả cả gốc và lãi là 23.400.000 đồng.

**Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Phan Thị L1 trình bày:**

Bà xác nhận quá trình vay nợ như ông L trình bày là đúng, cụ thể bà có vay tiền của ông L 02 lần như sau:

Ngày 21/01/2016 vay 15.000.000 đồng, khi vay có viết giấy, không ghi thời hạn trả. Lãi suất thỏa thuận theo quy định của nhà nước.

Ngày 01/5/2016 vay 3.000.000 đồng, khi vay có viết giấy, không ghi thời hạn trả. Lãi suất thỏa thuận theo quy định của nhà nước.

Khoảng tháng 01/2018 ông L đòi nợ nhưng bà không có tiền trả nên đã viết vào giấy vay tiền hẹn đến ngày 09/01/2020 sẽ trả nợ và hứa trả đủ tiền lãi theo lãi suất của nhà nước. Tuy nhiên, đến nay bà vẫn chưa trả nợ được cho ông L.

Nay ông L yêu cầu bà phải trả cho số tiền gốc của 02 khoản vay là 18.000.000 đồng và tiền lãi của cả 02 khoản vay là 5.400.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 23.400.000 đồng. Bà chấp nhận trả cho ông L số tiền trên.

Tuy nhiên, do kinh tế gia đình khó khăn, không có điều kiện trả nợ một lần, nên bà đề nghị ông L cho bà trả dần như sau:

- Tháng 12/2020 trả 5.000.000 đồng;
- Tháng 5/2021 trả 5.000.000 đồng;
- Tháng 10/2021 trả 5.000.000 đồng;
- Tháng 3/2022 trả 5.000.000 đồng.

Số tiền còn lại đến tháng 8/2022 bà sẽ trả hết.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND huyện Krông Ana phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*". Bị đơn cư trú tại huyện Krông Ana nên Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách đương sự quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 23.400.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn bà Phan Thị L1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ

thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn vay tiền của nguyên đơn vi phạm nghĩa vụ, không trả được nợ theo thỏa thuận, nguyên đơn đã khởi kiện đòi nợ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Ông Huỳnh Kim L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Phan Thị L1 phải trả 02 khoản vay là 18.000.000 đồng và tiền lãi là 5.400.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với số tiền nợ gốc, căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Kim L yêu cầu bị đơn bà Phan Thị L1 trả 18.000.000 đồng. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là các giấy vay tiền bản gốc đề ngày 21/01/2016 vay 15.000.000 đồng và giấy vay tiền đề ngày 01/5/2016 vay 3.000.000 đồng. Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Phan Thị L1 thừa nhận toàn bộ số nợ và xin trả dần nhưng nguyên đơn không đồng ý. Như vậy việc bà Phan Thị L1 có vay của ông Huỳnh Kim L số tiền 18.000.000 đồng là có thật, thể hiện ý chí tự nguyện của các bên nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Nay quá hạn trả nợ, bị đơn không trả được nợ là vi phạm nghĩa vụ của người trả nợ quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, công nhận hợp đồng có hiệu lực pháp luật và buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là phù hợp.

[2.2] Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi là 5.400.000 đồng. Quá trình tham gia tố tụng, các đương sự thừa nhận khi vay hai bên có thỏa thuận về lãi suất theo quy định của nhà nước. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi với lãi suất 1%/tháng trên nợ gốc và chỉ yêu cầu tính lãi từ tháng 01 năm 2018 đến ngày hòa giải ngày 24/6/2020 là 30 tháng (tính tròn) là 5.400.000 đồng, bị đơn đồng ý trả số tiền lãi trên. Yêu cầu trên của nguyên đơn phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự quy định về lãi suất nên cần chấp nhận, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi là 5.400.000 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn bà Phan Thị L1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.170.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Huỳnh Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Công nhận các hợp đồng vay tài sản lập ngày 21/01/2016 và 01/5/2016 giữa ông Huỳnh Kim L và bà Phan Thị L1.

Buộc bà Phan Thị L1 phải trả cho ông Huỳnh Kim L số tiền 23.400.000<sup>d</sup> (*hai mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng*). Trong đó: Nợ gốc 18.000.000<sup>d</sup>; tiền lãi 5.400.000<sup>d</sup>.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2/ Về án phí: Buộc bị đơn bà Phan Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, số tiền 1.170.000<sup>d</sup> (*một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*). Hoàn trả cho ông Huỳnh Kim L 677.000<sup>d</sup> (*sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana, Đắk Lắk, biên lai số 8516 ngày 01/6/2020.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự*

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Đình Tuyên**